TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2025
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đạt Thông;

Ông Dương Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị S, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện D, tỉnh T (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Thạch H, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện D, tỉnh T (Vắng mặt, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2025, bản tự khai, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Thạch Thị S trình bày: Vào năm 2002, chị Thạch Thị S xác lập quan hệ hôn nhân với anh Thạch H, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống ở ấp S, xã N, huyện D, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc cho đến năm 2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gây gắt và không giải quyết được. Vì vậy, giữa chị S và anh H đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch H.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Thạch Kim Đ, sinh năm 2002 và Thạch Kim B, sinh ngày 14/10/2009. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là Thạch Kim B, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Thạch Kim Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị S trình bày không có.

Về nợ chung: Chị S trình bày không có.

Bị đơn anh Thạch H đã được Tòa án thông báo về các yêu cầu của nguyên đơn, nhưng trong quá trình giải quyết, anh H vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nào thể hiện ý kiến của anh đối với việc giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy đơn khởi kiện của chị Thạch Thị S có nội dung yêu cầu ly hôn với anh Thạch H, nơi cư trú tại ấp S, xã N, huyện D, tỉnh T, yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không có nên đây là quan hệ tranh chấp về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh Thạch H chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể anh H vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xét yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị S đối với anh Thạch H. Nhận thấy chị S và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống cả hai xảy ra mâu thuẫn, không thể giải quyết và đặc biệt cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị S và anh H không thể tự hàn gắn đoàn tụ được nên chị S yêu

cầu ly hôn với anh H. Xét thấy trên thực tế anh, chị đã tự chấm dứt mối quan hệ hôn nhân, tức không còn chung sống, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau từ năm 2023 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, mối quan hệ hôn nhân của chị S và anh H không thể hàn gắn được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị S là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. *Về con chung:* có 02 (hai) con chung tên Thạch Kim Đ, sinh năm 2002 và Thạch Kim B, sinh ngày 14/10/2009. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Thạch Kim B, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Thạch Kim Đ đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu giải quyết. Nhận thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bảo, đồng thời cháu Thạch Kim B có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là Thạch Kim B, sinh ngày 14/10/2009 cho chị Thạch Thị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo, phù hợp với quy định tại Điều 81 của của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Thạch Thị S trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị S.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị S được ly hôn với anh Thạch H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Kim B, sinh ngày 14/10/2009 cho chị Thạch Thị S được quyền chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp cần thiết và khi có yêu cầu của cha, mẹ

hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Thạch Thị S không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Thạch Thị S trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Thạch Thị S trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014697, ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị S đã nộp đủ án phí. Anh Thạch H không phải chịu án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã Ngũ Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Linh